TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST Ngày: 28/02/2023 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Sĩ Quang**.

Ông **Nguyễn Đức Hạnh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 250/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1984;

ĐKHKTT: Thôn T, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã B, huyện G1, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Thế K**, sinh năm 1985;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc); đã về nước ngày 12/11/2022.

Hiện cư trú tại: Thôn T, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Phạm Thế K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 12/10/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K chơi bời, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con, chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Vợ chồng cùng có thời gian đi

lao động ở nước ngoài nhưng mỗi người ở một nơi, không liên lạc, không quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Chị nhiều lần làm đơn xin ly hôn nhưng vì thương con nên chị đã rút đơn về, tuy nhiên tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Năm 2021 chị về nước ở hẳn, anh K cũng về nước vào cuối năm 2022, nhưng vợ chồng không còn tình cảm, không sống cùng nhau và không liên quan đến nhau. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Thế K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thị Hải Y, sinh ngày 18/3/2007, hiện con đang ở với chị, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại các bản khai anh Phạm Thế K trình bày:* Anh và chị Phạm Thị N có quan hệ hôn nhân như chị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh sau đó vợ chồng vào Đăk Nông làm ăn được khoảng một năm thì lại về địa phương sinh sống. Năm 2009 anh đi lao động tại Malaysia, đến năm 2010 anh về nước và lại tiếp tục sang lao động tại Đài Loan, trong thời gian này chị N cũng sang Đài Loan làm ăn nhưng vợ chồng không sống cùng nhau nên nghi ngờ tình cảm của nhau, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Chị N về nước trước còn anh ở lại Đài Loan đến tháng 11/2022 thì về nước ở hẳn tại nhà của bố mẹ đẻ anh. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu không còn liên quan đến nhau nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung như chị N trình bày là đúng. Ly hôn anh nhất trí để chị N được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con tròn 18 tuổi, chị N không yêu cầu anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh nhất trí.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị N, anh K đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại địa phương được một thời gian thì cả chị N và anh K cùng đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nhưng mỗi người ở một nước khác nhau nên chủ yếu sống xa nhau. Nay chị N có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của chị N, anh K là Phạm Thị Hải Y có nguyện vọng được ở với chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Phạm Thế K. Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Hải Y, sinh ngày 18/3/2007 cho chị N tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị N đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại huyện G1, tỉnh Hải Dương. Bị đơn anh Phạm Thế K thời điểm thụ lý vụ án anh đang làm ăn sinh sống tại Đài Loan, sau khi thụ lý anh đã về nước và đang cư trú tại thôn T, xã L, huyện G1, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Thế K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 12/10/2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh K. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K chơi bời, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Từ năm 2009 anh K đi lao động tại Malaysia, đến năm 2010 anh về nước và lại tiếp tục sang lao động tại Đài Loan. Năm 2012 chị N cũng sang Đài Loan làm ăn và sau đó chuyển sang làm ăn ở Trung Quốc, vợ chồng mỗi người ở một nơi nên nghi ngờ tình cảm của nhau. Từ đó vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau và đã sống ly thân cho đến nay. Hiện tại anh, chị đã về nước nhưng cuộc sống độc lập, không liên quan đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị được ly hôn, anh K cũng xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu, không còn tình cảm nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị N được ly hôn anh K.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị N và anh K có một con chung là Phạm Thị Hải Y, sinh ngày 18/3/2007, hiện đang ở với chị N. Chị N và anh K thỏa thuận: chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con tròn 18 tuổi. Con chung Phạm Thị Hải Y có nguyện vọng được ở với chị N. Hội

đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của anh chị phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị N, anh K cùng xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Phạm Thế K.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Thị Hải Y, sinh ngày 18/3/2007 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N tạm thời không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2020/0004581 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N và anh Phạm Thế K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường